TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày 15 - 01 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Sơn;

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn P, tên gọi khác: Không, sinh năm 1975 tại huyện C, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Hoàng Văn T và bà Lăng Thị P1 (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị N (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 16/9/2019 cho đến nay. Có mặt.

2. Lò Văn K, tên gọi khác: Không, sinh năm 1970 tại huyện C, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn S và bà Lò Thị Y (đều đã chết); có vợ là Lò Thị Y1 và 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 16/9/2019 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Trần Minh H - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại TA. Địa chỉ:

Khối 10, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 01 năm 2020): Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1988; chức vụ: Cán bộ. Có mặt.

+ Ông Đoàn Văn H1 (Đoàn Ngọc H1), sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hải Dương. Có mặt

- *Người làm chứng:* Ông Hoàng Ngọc Đ, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại TA (*Công ty TA*), có trụ sở tại: Khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sơn La, do ông Nguyễn Tiến Đ làm Giám đốc đã ký hợp đồng thi công xây dựng gói thầu số 23 (xây lắp công trình) đường từ tỉnh lộ 114 (bản A), xã Tường Phong - Mường Bang - Mường Do, huyện C, tỉnh Sơn La với chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Sơn La. Sau khi ký hợp đồng, Công ty TA đã làm hồ sơ, thủ tục để xin cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ việc thi công san tẩy mặt bằng, phá tuyến, làm đường tỉnh lộ 114. Ngày 14/9/2017, Công ty TA được Sở Công thương tỉnh Sơn La cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 60/2017/GP-SCT (có giá trị đến ngày 12/9/2019).

Quá trình triển khai, thi công xây lắp tuyến đường tỉnh lộ 114, nhận thấy khối lượng đá cần phá tuyến, san tẩy mặt bằng là rất lớn, vị trí bãi đá tại bản A, xã Tường Phong, huyện C (*thuộc km36 - km37*), có thể tận thu để sản xuất các loại đá (đá hộc, đá 4x6) làm vật liệu phục vụ thi công tuyến đường, giảm chi phí thi công nên ngày 10/12/2018, Công ty TA đã ký hợp đồng với ông Đoàn Văn H1 (*Đoàn Ngọc H1*), trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hải Dương về việc giao khoán khoan phá tuyến sản xuất đá 4 x 6, đá hộc (đá thành P) cung cấp cho Công ty TA. Theo nội dung hợp đồng, Công ty TA thuê ông H1 khoan, phá đá trên tuyến đường 114 bản A, xã Tường Phong - Mường Bang - Mường Do, huyện C, tận dụng đá trên tuyến để đập, nghiền đá các loại phục vụ thi công công trình. Đá thành P được Công ty TA mua lại với giá 120.000đ/m3. Hàng tháng, Công ty TA cung cấp vật tư, tạm ứng tiền để ông Hàng tiến hành khai thác, sản xuất đá và được khấu trừ vào tiền đá đã cung cấp cho Công ty.

Quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán nêu trên, tháng 3/2019, ông Đoàn Văn H1 gọi điện cho Hoàng Văn P, trú tại: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang lên làm thuê cho ông H1 với mức lương thỏa thuận bằng miệng là 10.000.000đ/ tháng. Công việc của P là khai thác thêm đá tại bãi đá (*khoan lỗ để máy xúc dùng búa đập phá vỡ các tảng đá theo lỗ khoan, đá vỡ ra được máy xúc đập thành đá hộc hoặc xúc lên xe chở về nghiền thành đá thành P*) để đảm bảo lượng đá thành P cung cấp cho Công ty TA đạt từ 800 đến 1.000 m3/ tháng phục

vụ thi công tuyến đường tỉnh lộ 114; trực tiếp điều hành công việc tại bãi sản xuất đá khi Hàng vắng mặt; quản lý máy móc và tham gia công việc khoan, nổ mìn phá tuyến cho Công ty TA khi Công ty yêu cầu (*thực hiện theo chỉ đạo của chỉ huy nổ mìn của Công ty TA*), đá nổ ra trên tuyến được chở về bãi tập kết để nghiền, sản xuất đá 4x6, đá hộc để bán lại cho Công ty TA.

Ngày 04/9/2019, ông Hàng tiếp tục thuê Lò Văn K, trú tại: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên, đến làm tại bãi sản xuất đá với tiền công thỏa thuận miệng là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*)/ ngày. Công việc của K là tham gia cùng Hoàng Văn P khai thác đá tại bãi đá (*khoan lỗ để máy xúc dùng búa đập phá vỡ các tảng đá theo lỗ khoan, đá vỡ ra được máy xúc đập thành đá hộc hoặc xúc lên xe chở về nghiền thành đá thành P*); tham gia công việc khoan, nổ mìn phá tuyến cho Công ty TA khi Công ty yêu cầu (*thực hiện theo chỉ đạo của chỉ huy nổ mìn của Công ty TA*).

Ngày 11/9/2019, ông Hoàng Ngọc Đ - Chỉ huy nổ mìn của Công ty TA (*ông Đảo có chứng chỉ chỉ huy nổ mìn theo QCVN 02:2008/BCT cấp ngày 30/6/2010, có giấy chứng nhận người vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cấp ngày 27/4/2018 và có giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cấp tháng 6/2019*) lập hộ chiếu nổ mìn san tẩy mặt bằng tuyến đường tỉnh lộ 114 (*khu vực bản A, xã Tường Phong, huyện C*) với tổng số lượng vật liệu nổ cần sử dụng là 162kg thuốc nổ ANFO, 12 kíp nổ điện K8. Căn cứ hộ chiếu nổ mìn đã được Giám đốc Công ty duyệt, ông Nguyễn Văn P1 - Thủ kho vật liệu nổ đã xuất kho số vật liệu nổ nêu trên giao cho ông Đ đưa đến công trường sử dụng. Sau khi sử dụng, số vật liệu nổ còn thừa là 01 bao thuốc nổ (*25kg*) và 01 bao đã sử dụng dở còn khoảng 08kg, do kho vật liệu nổ của Công ty ở xa, việc vận chuyển K khăn, được sự đồng ý của lãnh đạo Công ty, ông Đ không vận chuyển số vật liệu nổ còn thừa đưa về nhập kho theo quy định mà gửi lại cho P và K cất giữ tại hốc đá, dưới chân bãi đá, gần đường tỉnh lộ 114 để tiếp tục sử dụng vào ngày hôm sau.

Ngày 12/9/2019, căn cứ yêu cầu thi công, ông Đ tiếp tục lập hộ chiếu nổ mìn để san tẩy mặt bằng tuyến đường trên, số lượng vật liệu nổ cần sử dụng thêm là 100kg thuốc nổ ANFO và 150 kíp nổ điện K8. Sau khi nhận vật liệu nổ từ kho của Công ty vận chuyển đến công trường, ông Đ bị ốm, không tiến hành nổ mìn được, do vậy số vật liệu nổ nêu trên tiếp tục được gửi P và K cất giữ tại hốc đá cùng với số vật liệu nổ chưa sử dụng hết vào ngày 11/9/2019, chờ sau khi ông Đảo khỏi bệnh sẽ tiếp tục sử dụng để san tẩy mặt bằng tuyến đường.

Thời gian này, khối lượng đá khai thác trên tuyến không đủ phục vụ thi công nên P và K đã tiến hành khoan, khai thác thêm tại bãi đá để bổ sung lượng đá cần cung cấp cho Công ty TA theo chỉ đạo của ông H1. Trong thời gian từ ngày 12/9/2019 đến ngày 16/9/2019, ông H1 về quê ở Hải Dương để lo việc gia đình (cưới con trai) và giao việc chỉ đạo, điều hành lại cho P. Để thuận lợi cho việc khai thác đá, khoảng 07 giờ 30 phút ngày 16/9/2019, P bảo K đến hốc đá lấy bao thuốc nổ đã sử dụng dở và một túi kíp nổ K8 (*25 kíp nổ*) do Công ty TA gửi mang lên bãi khai thác đá nhồi vào các lỗ khoan (việc P bảo K lấy thuốc nổ và kíp

nổ đến bãi đá sử dụng không thông báo cho H1 và Công ty TA biết), đồng thời P tiếp tục khoan thêm để nhồi vật liệu nổ, dự định sẽ tiến hành cho nổ vào buổi trưa cùng ngày. Đến 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi P và K đang nhồi thuốc nổ và kíp nổ vào các lỗ khoan thì bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 bao tải dứa màu trắng, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng nghi là thuốc nổ công nghiệp ANFO; 01 túi ni lon bên trong có 14 vật hình trụ kim loại màu trắng, một đầu có gắn hai dây điện màu xanh nghi là kíp nổ điện và một số đồ vật, tài sản có liên quan khác.

Cùng ngày 16/9/2019, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La tiến hành khám nghiệm hiện trường; tiến hành mở niêm phong, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng xác định:

Trong 06 bao tải màu trắng thu giữ chứa các hạt tinh thể màu trắng có tổng khối lượng là 131,5kg (trong đó, bao tải thu giữ khi bắt người phạm tội quả tang có khối lượng 6,5kg, 05 bao thu giữ khi khám nghiệm hiện trường mỗi bao có khối lượng 25kg, tổng cộng 125kg), trích rút trong mỗi bao 100 gam làm mẫu vật gửi giám định ký hiệu từ M1 đến M6.

Trong 06 túi ni lon thu giữ có chứa 139 vật hình trụ kim loại màu trắng, một đầu có gắn hai dây điện màu xanh (trong đó, túi ni lon thu giữ khi bắt người phạm tội quả tang có 14 vật hình trụ, 05 túi ni lon thu giữ khi khám nghiệm hiện trường mỗi túi có 25 vật hình trụ, tổng cộng 125 vật hình trụ), lấy trong mỗi túi 01 vật hình trụ làm mẫu vật gửi giám định ký hiệu từ A1 đến A6.

Tại Kết luận giám định số 5474/C09-P2 ngày 18/9/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

"Các mẫu vật ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5, M6 đều là thuốc nổ công nghiệp ANFO, thuộc nhóm vật liệu nổ.

Các mẫu vật ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6 đều là kíp nổ điện vỏ nhôm, thuộc nhóm vật liệu nổ".

Về nguồn gốc: 131,5kg thuốc nổ công nghiệp ANFO; 139 kíp nổ điện thu giữ trong vụ án gồm: 6,5kg thuốc nổ, 14 kíp nổ thu giữ khi bắt người phạm tội quả tang; 125 kg thuốc nổ, 125 kíp nổ thu giữ khi khám nghiệm hiện trường Hoàng Văn P và Lò Văn K khai của Công ty TA gửi cất giữ, bảo quản.

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 03/CT-VKS-P1 ngày 27/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn P, Lò Văn K về tội Sử dụng trái phép vật liệu nổ quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự.

*** Tranh tụng tại phiên tòa:**

Các bị cáo Hoàng Văn P và Lò Văn K khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố và không khai báo gì thêm.

Ông Nguyễn Đức T1 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TA xác

định 14 kíp nổ điện và 6,4kg thuốc nổ ANFO bị thu giữ là tài sản hợp pháp của Công ty và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, trả lại cho Công ty.

Ông Đoàn Văn H xác định các tài sản gồm 01 kích nổ điện, 02 chiếc máy khoan và 02 chiếc mũi khoan bị thu giữ là tài sản hợp pháp của ông và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, trả lại cho ông.

*** Tranh luận tại phiên tòa:**

Kiểm sát viên trình bày luận tội, giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn P, Lò Văn K phạm tội "Sử dụng trái phép vật liệu nổ".

Căn cứ khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Sử dụng trái phép vật liệu nổ, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn K từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Sử dụng trái phép vật liệu nổ, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo Hoàng Văn P chiếc điện thoại; trả lại cho Công ty TA và ông Đoàn Văn H1 số vật chứng là tài sản của Công ty bị thu giữ trong vụ án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày lời bào chữa nhất trí với quan điểm truy tố, luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết về nhân thân; tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mở lượng khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TA và ông Đoàn Văn H1 nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hoàng Văn P và Lò Văn K được ông Hoàng Ngọc Đ - Chỉ huy nổ mìn của Công ty TA gửi cất giữ, bảo quản vật liệu nổ Công ty. Ngày 16/9/2019, P và K đã lấy 6,5kg thuốc nổ công nghiệp ANFO và 25 kíp nổ điện sử dụng để khai thác đá tại bãi đá thuộc bản A, xã Tường Phong, huyện C, tỉnh Sơn La, mục đích lấy đá về nghiền làm vật liệu cung cấp cho Công ty TA để làm tuyến đường 114 thì bị phát hiện, bắt quả tang. Hoàng Văn P có chứng chỉ đào tạo kỹ thuật sử dụng vật liệu nổ do Trường kỹ thuật công binh cấp năm 1997; Lò Văn K có chứng chỉ đào tạo chỉ huy nổ mìn do Trường Đại học mỏ địa chất cấp năm 2009 nhưng P và K không có hợp đồng lao động, không được đăng ký là người sử dụng vật liệu nổ của Công ty TA; chưa được Sở Công thương sát hạch kỹ thuật an toàn trong sử dụng vật liệu nổ nên không đủ điều kiện sử dụng vật liệu nổ.

Xét lời khai của Hoàng Văn P và Lò Văn K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo ở cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người chứng kiến; phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định đối với số vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm tội Sử dụng trái phép vật liệu nổ, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 305 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng trái phép vật liệu nổ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện mục đích mục đích để được hưởng tiền công lao động theo thỏa thuận. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Hoàng Văn P sau khi bị bắt mắc bệnh hiểm nghèo (xuất huyết não), K khăn trong sinh hoạt, hạn chế khả năng lao động; Lò Văn K có bố

đẻ (ông Lò Văn So) là người có công với Nhà nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng vật liệu nổ, gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, trong đó, Hoàng Văn P là người khởi xướng và bảo Lò Văn K đến hốc đá lấy bao thuốc nổ sử dụng dở và kíp nổ (của Công ty TA gửi lại ngày 11 và 12/9/2019) mang ra bãi đá để sử dụng nên cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Lò Văn K.

Xét các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, được gia đình và chính quyền địa phương bảo lãnh; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình; bị cáo Hoàng Văn P mắc bệnh hiểm nghèo, bị liệt một chân, một tay, giảm sút trí nhớ, hạn chế khả năng lao động nên thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mở lượng khoan hồng cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đảm bảo biện pháp răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Do các bị cáo đang bị tạm giam nên cần áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 305 Bộ luật hình sự nhưng xét các bị cáo đều không có tài sản có giá trị; không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Đối với Công ty TA và các đối tượng có liên quan trong vụ án:

Đối với ông Đoàn Văn H1 (Đoàn Ngọc H1) là người đã thuê và giao cho Hoàng Văn P và Lò Văn K tham gia sử dụng vật liệu nổ san tẩy mặt bằng tuyến đường tỉnh lộ 114 cho Công ty TA khi Công ty yêu cầu là không đúng. Tuy nhiên, trách nhiệm liên quan đến việc sử dụng người lao động không đủ điều kiện thuộc về Công ty TA. Việc Hoàng Văn P và Lò Văn K sử dụng vật liệu nổ trái phép để khai thác đá vào ngày 16/9/2019 ông Hàng không chỉ đạo, các bị cáo cũng không báo cáo nên ông H1 không liên quan đến hành vi phạm tội của

các bị cáo.

Đối với ông Hoàng Ngọc Đ là chỉ huy nổ mìn của Công ty TA đã không thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ (*không nhập kho số vật liệu nổ công nghiệp còn thừa sau khi kết thúc nổ mìn theo quy định; cho Hoàng Văn P và Lò Văn K là những người không đủ điều kiện tham gia sử dụng vật liệu nổ trên tuyến đường 114*) nhưng ông Đ đã báo cáo và được Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện nên trách nhiệm thuộc về Công ty và ông Đ không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với Công ty TA đã sử dụng người lao động không đủ điều kiện sử dụng vật liệu nổ (*Hoàng Văn P, Lò Văn K*); cho phép chỉ huy nổ mìn gửi lại vật liệu nổ công nghiệp tại công trường khi không sử dụng hết (*ngày 11/9/2019*) và chưa sử dụng đến (*ngày 12/9/2019*) mà không nhập lại kho vật liệu nổ là vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 30 và điểm c khoản 6 Điều 36 Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp. Công ty TA đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự tổng số tiền 170.000.000đ theo Quyết định số 3057/QĐ-XPVPHC ngày 13/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La và đã thi hành xong ngày 17/12/2019.

Đối với việc Hoàng Văn P, Lò Văn K sử dụng vật liệu nổ trái phép để khai thác đá vào ngày 16/9/2019, Công ty TA không chỉ đạo, không nắm được nên Công ty không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

[9] Về vật chứng:

Đối với 125kg thuốc nổ công nghiệp ANFO và 125 kíp nổ điện thu giữ khi khám nghiệm hiện trường: Kết quả điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Công ty TA, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên ngày 10/12/2019, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là Công ty TA là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với 01 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo Hoàng Văn P: Xét không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 6,4kg thuốc nổ công nghiệp ANFO và 14 kíp nổ điện còn lại; 01 kích nổ điện; 02 chiếc máy khoan và 02 mũi khoan bằng kim loại: Kết quả điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Công ty TA và của ông Đoàn Văn Hàng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TA và ông Đoàn Văn Hàng có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại tài sản cho Công ty. Xét đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của Công ty TA và ông Đoàn Văn H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn P, Lò Văn K phạm tội "Sử dụng trái phép vật liệu nổ".

1. Về hình phạt:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn K 18 (mười tám tháng) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3. Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố trả tự do cho các bị cáo Hoàng Văn P, Lò Văn K ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.4. Giao bị cáo Hoàng Văn P cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang; giao bị cáo Lò Văn K cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

1.5. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Hoàng Văn P và Lò Văn K.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn P 01 (một) chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG màu nâu - vàng, có số Imei 1: 358131092813105, Imei 2: 358132092813103 kèm 01 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng được niêm phong trong một chiếc phong bì do Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La phát hành còn nguyên niêm phong.

* Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại TA:

+ 14 (mười bốn) kíp nổ điện được niêm phong trong một hộp vật chứng còn nguyên niêm phong.

+ 6,4kg thuốc nổ công nghiệp ANFO được niêm phong trong một gói vật chứng còn nguyên niêm phong.

* Trả lại cho ông Đoàn Văn H1 (Đoàn Ngọc H1):

- 01 (một) kích nổ điện màu đỏ hình chữ nhật, dài 25cm, rộng 18cm, bên trên có ghi dòng chữ "ExDi6I MA", đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc máy khoan bằng kim loại, trên thân máy có in chữ nổi "YH20", đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc máy khoan bằng kim loại, trên thân máy có in chữ nổi "YO18", đã qua sử dụng.

- 01 (một) mũi khoan bằng kim loại, màu đen, dài 103cm, đường kính 3,8cm, đã qua sử dụng.

- 01 (một) mũi khoan bằng kim loại, màu đen, dài 94cm, đường kính 3,8cm, đã qua sử dụng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Hoàng Văn P, Lò Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/01/2020).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng PA09 - Công an tỉnh Sơn La;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hải